

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHƯƠNG LINH  
BẮC NINH**

**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT  
THƯƠNG MẠI PHƯƠNG LINH BẮC NINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301143252

**3. Ngày thành lập:** 14/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Đường Lý Thái Tổ, Phường Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 02223760866

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                       | 0810     |
| 2.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                | 1392     |
| 3.  | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                        | 1410     |
| 4.  | Xây dựng nhà để ở                                                     | 4101     |
| 5.  | Xây dựng nhà không để ở                                               | 4102     |
| 6.  | Xây dựng công trình đường sắt                                         | 4211     |
| 7.  | Xây dựng công trình đường bộ                                          | 4212     |
| 8.  | Xây dựng công trình điện                                              | 4221     |
| 9.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                   | 4222     |
| 10. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                    | 4223     |
| 11. | Xây dựng công trình công ích khác                                     | 4229     |
| 12. | Xây dựng công trình thủy                                              | 4291     |
| 13. | Xây dựng công trình khai khoáng                                       | 4292     |
| 14. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                 | 4293     |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                            | 4299     |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                     | 4312     |
| 17. | Phá dỡ                                                                | 4311     |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                 | 4321     |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí | 4322     |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                        | 4329     |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                        | 4330     |
| 22. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                   | 4390     |

|     |                                                                                                                                                                    |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 23. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                | 4511        |
| 24. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                 | 4530        |
| 25. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                              | 4543        |
| 26. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                                                 | 4610        |
| 27. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                             | 4620        |
| 28. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                               | 4641        |
| 29. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                 | 4649        |
| 30. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                    | 4659        |
| 31. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: bán buôn than đá, xăng dầu, khí đốt                                                         | 4661        |
| 32. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                            | 4663        |
| 33. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: bán buôn các sản phẩm làm từ nhựa                                                                   | 4669        |
| 34. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                          | 4730        |
| 35. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                   | 4771        |
| 36. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ than                                                                                  | 4773        |
| 37. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                    | 4921        |
| 38. | Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh                                                                                           | 4922        |
| 39. | Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác                                                                                                                          | 4929        |
| 40. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                | 4931        |
| 41. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi; vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; vận tải hành khách bằng đường bộ khác | 4932        |
| 42. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng container; vận tải hàng hóa bằng đường bộ khác                                                   | 4933(Chính) |
| 43. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br>Chi tiết: Dịch vụ quản lý, khai thác cảng biển, cảng nội địa, bến tàu, cầu tàu                        | 5222        |
| 44. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                          | 5510        |
| 45. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                 | 5590        |
| 46. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                   | 5610        |
| 47. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                           | 5621        |
| 48. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                               | 5629        |

|     |                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 49. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                  | 5630 |
| 50. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                    | 6810 |
| 51. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                        | 6820 |
| 52. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: môi giới thương mại | 7490 |
| 53. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô                                                     | 7710 |
| 54. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                           | 7730 |
| 55. | Đại lý du lịch                                                                                           | 7911 |
| 56. | Điều hành tua du lịch                                                                                    | 7912 |
| 57. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                      | 7990 |
| 58. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng<br>Chi tiết: Sản xuất nước đóng bình và đóng chai                | 1104 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐẶNG PHƯƠNG LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/09/2001

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125867999

Ngày cấp: 17/06/2019

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố Hạ, Phường Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu phố Hạ, Phường Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh

Thời gian đăng từ ngày 14/07/2020 đến ngày 13/08/2020

